

TÍNH THÍCH ỨNG CỦA PHẬT GIÁO VỚI NHỮNG SỰ THAY ĐỔI CỦA XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

TT. Thích Viên Trí⁽¹⁾

TÓM TẮT

Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ, mọi vấn đề trong cuộc sống hiện nay dường như được con người làm rõ thông qua lăng kính khoa học. Từ các vấn đề cá nhân, gia đình, xã hội, tâm lý đến tâm linh, các ngành khoa học khác nhau đã và đang thể hiện vai trò quan trọng của chúng trong cuộc sống con người. Thêm vào đó, từ những hành tinh xa xôi nhất như Mặt trăng và Sao Hỏa đến tận cùng của đại dương, cây đũa thần của khoa học đã dần dần làm sáng tỏ những điều từ lâu đã là một bí ẩn đối với sự hiểu biết của con người. Nhiều bí ẩn, bao gồm cả những điều, những hiện tượng sự kiện có thật hay những điều mà khoa học chưa thể giải mã được, đã được con người thần thánh hóa và trở thành đối tượng của tín ngưỡng và tôn giáo. Tuy nhiên, dưới ánh sáng của khoa học, bản chất thực sự của những bí ẩn không thực đã dần xuất hiện. Những gì không còn phù hợp với khoa học, với lợi ích của con người, bao gồm các lĩnh vực tín ngưỡng và tôn giáo, đã liên tục bị loại bỏ. Ngay cả các giá trị của văn hóa vật chất và tinh thần hoặc các tổ chức xã hội và tôn giáo, tuy đã chứng minh giá trị của chúng trong quá trình tồn tại và phát triển nhưng hiện tại không còn có thể thay đổi và thích ứng với các thay đổi cuộc sống, cũng dần bị

1 Vice Rector, Vietnam Buddhist University in Ho Chi Minh City, Viet Nam, vientri@yahoo.com, Người dịch: Nguyễn Kỳ Mai Anh

con người lãng quên, đặc biệt là trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hay gọi là Nền Công nghiệp 4.0. Đây là một mối quan tâm lớn đối với nhiều người, đặc biệt là những người trong các lĩnh vực tín ngưỡng và tôn giáo.

Vậy tương lai của Phật giáo sẽ như thế nào? Vai trò của Phật giáo trong xã hội hiện đại là gì? Phật giáo phải làm gì để đáp ứng nhu cầu của con người trong thời đại 4.0 này? Đây là một trong những chủ đề quan trọng nhất của Lễ hội Vesak - 2019 được tổ chức tại Hà Nội, Việt Nam.

1. MỤC ĐÍCH VÀ SỨ MỆNH CỦA PHẬT GIÁO

Trước khi tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi nêu trên, chúng ta cần xác định lại mục đích của Phật giáo là gì, vai trò của Phật giáo khi tồn tại trong cuộc sống này. Những câu hỏi trên sẽ được trả lời qua giáo lý của Đức Phật sau đây: Hồi Tỳ kheo, cả trước đây và bây giờ những gì tôi dạy là đau khổ và sự chấm dứt đau khổ. Nói cách khác, chỉ khi nào mọi người trên hành tinh này hoàn toàn thoát khỏi đau khổ thì khi đó con người sẽ không cần sự tồn tại của Phật giáo trong cuộc sống này nữa. Nhiệm vụ của Phật giáo sẽ chỉ được hoàn thành nếu thế giới này biến thành một thế giới hạnh phúc tột cùng! Tuy nhiên, nỗi khổ của con người trên thế giới này từ xưa đến nay dường như chưa bao giờ được giảm thiểu. Những khổ đau của sinh, lão, bệnh, và tử, cũng như những khổ tập khác của chúng sinh vì không thể có được những gì chúng sinh mong muốn, nỗi đau của việc phải chia tay những người mình yêu, v.v., vẫn còn trong cuộc sống của con người. Ngoài ra, sự đau khổ của con người dường như ngày càng nghiêm trọng hơn khi mọi người mang đau khổ cho nhau với mục đích thỏa mãn sự khao khát của chính họ đối với những thú vui nhục dục (kāma-taṇhā), khao khát sự tồn tại (bhava-taṇhā), và khao khát sự không hiện hữu (vibhava-taṇhā). Để thỏa mãn ba loại tham ái này, con người ngày trở nên ích kỷ và lạnh lùng hơn.

Hiện tượng thiếu đồng cảm với nhau, ngay cả đối với cha mẹ, con cái, họ hàng, hàng xóm là một căn bệnh nghiêm trọng của xã hội. Chưa bao giờ trong lịch sử loài người có nhiều cảnh báo về các mối đe dọa của sự tồn tại của con người như chiến tranh, cướp bóc, giết người, khủng hoảng môi trường sống, thiên tai và dịch bệnh như trong thế giới đương đại. Bài phát biểu của Tổng thư ký Liên Hợp

Quốc về thế giới của Phật tử nhân Ngày Quốc hội Liên Hợp Quốc tại Thái Lan năm 2018 đã minh họa cho các lập luận trên: *Thế giới đối mặt với nhiều thách thức, từ xung đột đến biến đổi khí hậu, từ định kiến đến bất bình đẳng ngày càng tăng. Chúng tôi thấy mọi người dần trở nên hướng nội. Và chúng ta thấy một cuộc khủng hoảng của tính đoàn kết.*

Quan trọng hơn, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc đã khẳng định tầm quan trọng của Phật giáo đối với con người cũng như mục đích mà Liên Hợp Quốc đang hướng tới: *Những lời Phật dạy có thể truyền cảm hứng cho mọi người trở thành công dân toàn cầu. Và sự tập trung trong Phật giáo vào phẩm giá vốn có của cuộc sống tìm thấy sự cộng hưởng ngày hôm nay trong Chương trình nghị sự 2030 của chúng tôi cho sự phát triển bền vững.*

Tuyên bố trên của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc đã khẳng định rằng Phật giáo vẫn chứng minh giá trị của nó đối với cuộc sống này, giáo lý Phật giáo vẫn rất cần thiết cho con người trong thời đại văn minh ngày nay, đặc biệt là khả năng điều chỉnh khủng hoảng. Cần lưu ý rằng, là một tôn giáo, giáo lý Phật giáo không chỉ tập trung vào việc giải phóng sự đau khổ của cuộc sống con người thông qua con đường thử nghiệm tâm linh để đạt được mục đích tối thượng của Niết bàn, mà còn giải quyết các vấn đề của đời sống cá nhân, gia đình và xã hội tại từng thời điểm cụ thể trong lịch sử. Nhận thức được giá trị xã hội của Phật giáo sơ khai, Max Weber, một trong những học giả có thẩm quyền nhất trong xã hội học, cho biết: *"Phật giáo là sự sáng tạo của một nền văn hóa đô thị."* Tuyên bố của Max Webber được liên kết chặt chẽ với bối cảnh của xã hội Ấn Độ tiền Phật giáo ở thế kỉ thứ 6 trước Công Nguyên khi xã hội Ấn Độ có nhiều thay đổi về chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo và đặc biệt là kinh tế. Đây là bước ngoặt của trí tuệ con người với sự ra đời của Thời đại đồ sắt, ứng dụng các kỹ thuật canh tác mới trong đời sống nông nghiệp - thay đổi nhận thức và giá trị sống của Ấn Độ cổ đại. Một yếu tố quan trọng hơn là sự giao thoa văn hóa và nhân học giữa hai dân tộc Dravidian và Aryan đã tạo ra quá trình đồng hóa và hợp nhất. Một chủng tộc người mới đã được tạo ra, dẫn đến nhu cầu về những thay đổi thiết yếu trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Theo tôi, những khủng hoảng và đòi hỏi phải thay đổi trong xã hội ngày nay cũng tương tự như trong lịch sử của xã hội Ấn Độ tiền Phật giáo.

Đóng vai trò của lý tưởng sống, triết lý đa thần, đặc biệt là triết học Veda, không đáp ứng được các yêu cầu nêu trên. Là một tôn giáo, đạo Bà la môn cũng cho thấy những điểm yếu của nó trong hệ thống giáo điều và trong vai trò lãnh đạo đời sống tinh thần của Ấn Độ lúc bấy giờ. Sự bùng nổ của một cuộc cách mạng trong hai lĩnh vực triết học và tôn giáo là không thể tránh khỏi và không thể khác biệt. Kết quả của cuộc cách mạng này là việc tạo ra một hệ thống triết học và tôn giáo mới, được gọi là tư tưởng Sramanic, ủng hộ xu hướng nhân văn thay vì các vị thần, tự chịu trách nhiệm thay vì chủ nghĩa chí mạng và nhấn mạnh chủ nghĩa khổ hạnh thay vì nghi lễ. Hệ thống triết học Sramanic bao gồm Ajivaka, Lokayata, Jaina, Ajnana (Thuyết bất khả tri) và Phật giáo. Tuy nhiên, sau gần 27 thế kỷ, hầu hết các hệ tư tưởng này đã bị mất theo thời gian; ngược lại, Phật giáo vẫn chứng minh ý nghĩa và giá trị của nó trong sự tồn tại và cùng tồn tại với nhân loại, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội văn minh hiện đại của chúng ta ngày nay. Tại sao Phật giáo có sức sống mãnh liệt như vậy theo quy luật vô thường của thời gian? Tuyên bố sau đây của Albert Einstein có thể làm rõ vấn đề này: *“Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo vũ trụ. Nó nên vượt qua một Thiên Chúa cá nhân và tránh giáo điều và thần học. Bao gồm cả tự nhiên và tâm linh, nó nên dựa trên ý nghĩa tôn giáo phát sinh từ kinh nghiệm của tất cả mọi thứ, tự nhiên và tinh thần như một sự thống nhất có ý nghĩa. Nếu có tôn giáo nào đáp ứng được nhu cầu khoa học hiện đại, thì đó sẽ là Phật giáo”*.⁽²⁾

2. NHỮNG THÁCH THỨC SỐNG CÒN CỦA PHẬT GIÁO

Bất chấp lời tuyên bố tích cực ở trên, điều đó không có nghĩa là Phật giáo chưa bao giờ phải đối mặt với những thách thức đối với sự tồn tại của nó. Một số trường hợp sau đây có thể minh họa những thăng trầm của Phật giáo. Sau sự suy thoái và sụp đổ của vương triều Maurya vào cuối thế kỷ thứ hai trước Công nguyên, triều đại Sunga bắt đầu cai trị Ấn Độ. Phật giáo đã phải trải qua nhiều cuộc khủng bố tàn khốc trong thời gian này. Vua Pusyamitra, một Sa môn đạo Bà la môn, là kẻ thù khốc liệt nhất của Phật giáo. Ông ta đã tàn phá các đền chùa và bảo tháp, đốt cháy nhiều tu viện từ Madhyadesa đến Jalandhar ở Punjab, và giết chết nhiều Tỷ kheo với mục tiêu loại bỏ Phật giáo và truyền bá đạo Hindu (hậu duệ của đạo Bà la môn).

2 Albert Einstein, *Ideas and Opinions*, Ru & Co, New Delhi, 1995.

Bên cạnh đó, khi đạo Bà la môn thực sự chiếm lại thế thượng phong và nắm quyền trên diễn đàn tôn giáo, sự hồi sinh của việc thực hành tín ngưỡng đa thần đã thu hút một số lượng lớn người bao gồm cả Phật tử. Ngoài ra, khi các nhà sư Phật giáo quá bận rộn tranh luận nội bộ về triết lý, cho thấy sự thiếu quan tâm đến nguyện vọng và lợi ích của Phật tử, đặc biệt là không cập nhật để thích nghi với sự tiến bộ của xã hội, Phật giáo đã mất đi vị trí và sức sống trong xã hội. Hơn nữa, mưu đồ biến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành hóa thân thứ chín của Vishnu, một vị thần Hindu, trong tín ngưỡng của người dân Ấn Độ đã trở thành hiện thực vào thế kỷ thứ chín. Do đó, trở về sau hầu hết người Ấn Độ đã coi Đức Phật là hóa thân của thần Vishnu. Nói cách khác, Phật giáo đã được Ấn Độ giáo hóa, trở thành một phần của Ấn Độ giáo, mất đi bản sắc và tên gọi trong một thời gian khá dài. Dưới sự đe dọa đến sự sống còn của chính họ, các Phật tử đã phải linh hoạt và thích nghi, thực hiện sứ mệnh duy trì và phát triển Phật giáo để thích nghi với từng hoàn cảnh lịch sử.

Cần lưu ý rằng dù Phật giáo có thích nghi hay linh hoạt đến đâu, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nền tảng cơ bản của triết học không thể tách rời khỏi trí tuệ của Đức Phật được đưa vào Tam tạng trong các văn bản thiêng liêng của Phật giáo, bởi vì Phật giáo thực sự không có đổi mới, nhưng những gì có vẻ như vậy trên thực tế là một sự thích nghi tinh tế của những ý tưởng đã có từ trước. Lý do là giáo lý của Đức Phật chưa bao giờ cũ hoặc lạc hậu trên con đường phát triển tri thức của con người, và không bao giờ đánh mất những giá trị thực tiễn mà cuộc sống luôn cần. Những lời Phật dạy vẫn là một ánh sáng vào giữa đêm để giúp chúng sinh thực sự nhận thức được mình là ai, mình muốn gì và làm thế nào mình có thể đạt được hạnh phúc thực sự trong cuộc sống này. Xác định như vậy là để loại bỏ một số người ý tưởng rằng hiện đại hóa Phật giáo là cần thiết để phù hợp với những tiến bộ của khoa học, bởi vì theo Albert Einstein, thời đại của chúng ta cần một loại tôn giáo gọi là vũ trụ cảm giác tôn giáo và Phật giáo chứa yếu tố mạnh mẽ hơn như vậy. Vì vậy, vấn đề còn lại của Phật tử là làm thế nào để áp dụng một cách khéo léo chân lý mà Đức Phật đã khám phá ra vì lợi ích và hạnh phúc của nhân loại trong từng tình huống lịch sử cụ thể.

3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ÁP DỤNG TÍNH THÍCH ỨNG CỦA PHẬT GIÁO

Mọi người sẽ đồng ý rằng giá trị đích thực của Phật giáo, hoặc của bất kỳ tôn giáo nào, nằm trong giáo lý và giới luật của nó. Tuy nhiên, sức mạnh thực sự của hệ thống này chỉ có thể được đo lường thông qua tổ chức của nó, đó là hội chúng hoặc Tăng đoàn, bao gồm hai yếu tố giáo sĩ và giáo dân. Do đó, mỗi đời sống đạo đức cá nhân và sức mạnh nội tâm thực sự phản ánh sức mạnh hay điểm yếu của một tôn giáo. Vì lý do này, phẩm chất của một Phật tử, với tư cách là sứ giả của Như Lai, là một trong những yếu tố quyết định sự thịnh vượng hay suy đồi của Phật giáo. Cần lưu ý rằng phương pháp truyền bá Phật pháp của Pháp, luôn luôn dựa trên cơ sở phù hợp không chỉ sự thật mà còn cả khả năng của mỗi cá nhân. Do đó, một sứ giả của Như Lai (giáo sĩ và giáo dân) ở mọi thời điểm lịch sử cần phải đáp ứng hai khả năng này.

Trước hết, yếu tố phù hợp với sự thật chỉ có thể đạt được khi một sứ giả Như Lai thấu hiểu một cách thấu đáo và đầy đủ bản chất và tinh hoa của con đường trung đạo mà Đức Phật đã đạt được và thuyết giảng trong suốt cuộc đời truyền bá Phật pháp của mình. Nó được bao gồm trong học thuyết về Tứ diệu đế, Năm uẩn, Duyên khởi, Vô ngã, Nghiệp, Niết bàn, v.v., và nó đã được các thế hệ tộc trưởng của chúng ta sử dụng một cách khéo léo trong sứ mệnh duy trì và phát triển Phật giáo từ quá khứ cho đến hôm nay. Để thực sự hiểu và trải nghiệm tinh thần thực tiễn và giá trị giải thoát mà con đường trung đạo đã mang lại, Phật tử phải nghiêm túc nghiên cứu, trải nghiệm và thực hành giáo lý Phật trong cuộc sống hàng ngày của chính họ. Sự hoàn thiện đạo đức và sức mạnh bên trong của mỗi học viên sẽ phát sinh trong quá trình nghe, chiêm nghiệm và thiền định. Đây là tài liệu nuôi dưỡng sự tồn tại và phát triển của mỗi thành viên trong Tăng đoàn nói riêng và Phật giáo nói chung. Trái lại, nếu Phật tử chỉ am hiểu về triết học, đủ điều kiện nghiên cứu học thuật, có khả năng thuyết giảng Pháp, nhưng thiếu thực hành và áp dụng, nghĩa là hiểu không đi cùng với tu luyện hoặc nói không đi cùng với hành động, điều này sẽ là mầm mống của sự hỗn loạn cho Phật giáo chẳng sớm thì muộn. Do đó, niềm tin của Phật tử và quần chúng sẽ cạn kiệt và Giáo pháp sẽ khô héo khi những lời của các sứ giả Như Lai trái ngược với cuộc sống thực sự của họ. Các giai đoạn suy tàn của Phật giáo trong quá khứ cũng như hiện tại đều là kết quả của một lối sống thiếu lý tưởng,

đạo đức và các yếu tố tinh thần của Phật tử. Như Đức Phật đã dạy: *“Hầu hết các vị sư già sống vô cùng sung sướng, kỷ luật chưa nghiêm, đi đâu trong cuộc sống trần tục, trốn tránh cuộc sống ẩn dật, họ không nỗ lực để đạt được mục đích, giành lấy mục tiêu mà không tự chiến thắng, để hiện thực hóa những điều chưa thực hiện; Vì vậy, thế hệ tiếp theo đi theo và tin tưởng vào quan điểm của họ. Điều này, các nhà sư, là điều thứ tư dẫn đến sự nhảm lẫn, làm biến mất Saddhamma.”* Hiện tượng này theo Đức Phật là nguyên nhân chính của sự hủy diệt của Phật Pháp khi Đức Phật dạy rằng chỉ những con sâu trong sư tử mới có thể giết sư tử. Các tài liệu lịch sử được ghi lại bởi ngài Huyền Trang đã chứng minh rằng một lối sống phi đạo đức, hưởng thụ khoái lạc nhục dục, nuông chiều, tiêu tan, giáo phái, xã hội hóa, thế tục hóa, trở thành công cụ quyền lực, tranh giành của cải, tiền bạc và danh tiếng là nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm Phật giáo Ấn Độ trong một thời gian rất dài.

Ngoài ra, Đức Phật thường được gọi là Vua y học vì những lời dạy của ông được ví như những phương thuốc khác nhau để chữa bệnh. Có nhiều bệnh khác nhau nên các bác sĩ cần tìm hiểu kỹ về nguyên nhân của từng bệnh để có thể chữa khỏi bệnh. Tương tự như vậy, chúng sinh có vô số khả năng, cấp độ và tâm lý khác nhau. Vì vậy, để việc truyền bá Giáo pháp chân chính có hiệu quả vào từng thời điểm cụ thể và thích ứng với nhu cầu của người học Phật pháp, một người truyền bá Phật pháp cần có khả năng suy nghĩ về cảm xúc và mong muốn của người học để chọn giáo lý thích hợp để thuyết giảng. Đây là năng lực của khả năng phù hợp, còn được gọi là sử dụng các phương tiện khéo léo trong việc áp dụng những lời Phật dạy mà một sứ giả của Như Lai cần phải đáp ứng. Lý do là, như trong lĩnh vực y học, một thành phần dược liệu có thể rất tốt, rất có giá trị, rất hiệu quả, nhưng nếu sử dụng không đúng cách, dược liệu có thể trở thành độc dược. Tương tự, sự thật, mặc dù đó là lời dạy Phật, nhưng được nói sai chỗ và sai thời điểm, truyền đạt đến sai người; sự thật cũng sẽ trở nên lố bịch.

Để mà đạt được năng lực thực sự về khả năng phù hợp, một sứ giả của Như Lai phải học các môn thế tục như triết học, tâm lý học, giáo dục, đạo đức, chính trị, khoa học xã hội, v.v., để phục vụ công việc truyền bá giáo pháp. Đặc biệt, trong kỷ nguyên Công nghiệp 4.0, Phật tử cần được đào tạo và trang bị kiến thức và phương tiện cần thiết về khoa học máy tính để linh hoạt và thích nghi với những tiến bộ của tri thức và nhu cầu của con người trong xã hội hiện đại. Nếu

không linh hoạt và thích nghi với những thay đổi của thời đại này, Phật giáo sẽ thiếu sức sống và dần trở nên cứng nhắc. Phật giáo Ấn Độ đã trải qua một giai đoạn khó khăn như vậy và đã bị lãng quên trong một thời gian khá dài. Vì lý do này, N. Dutt, một học giả cao cấp của Ấn Độ, đã từng tuyên bố rằng Phật giáo không bao giờ là một phong trào xã hội. Đây có thể được xem là một bài học lịch sử mà thế giới Phật giáo cần chú ý. Tuy nhiên, có một kinh nghiệm quan trọng khác mà các Phật tử, đặc biệt là các tu sĩ, nữ tu và trí thức trong xã hội ngày nay, cần phải xem xét cẩn thận. Đó là nếu tập trung quá nhiều vào khía cạnh của chủ nghĩa hình thức hoặc giải thích tùy tiện về giáo lý của Đức Phật để thỏa mãn nhu cầu và thị hiếu của tín đồ và quần chúng (khả năng phù hợp) với mục đích đạt được những thành tựu nhất thời, những người truyền bá giáo pháp sẽ coi thường đạo đức và tâm linh các yếu tố (phù hợp với sự thật); sớm hay muộn, Phật giáo sẽ suy tàn. Khi các yếu tố (tăng ni, trí thức) đóng vai trò chính trong việc truyền bá Phật giáo nhưng lại đánh giá thấp thí nghiệm đạo đức và tâm linh của chính bản thân thì chắc chắn rằng họ đang đi theo con đường thất bại tương tự của Phật giáo Ấn Độ cổ đại. Nghiêm trọng hơn, các giáo lý Phật giáo sẽ có khả năng bị trộn lẫn và đan xen với các ý tưởng phi Phật giáo, như chúng đã có trong Hội đồng Phật giáo thứ ba dưới triều đại Asoka Nam thông qua cách truyền bá Phật pháp như vậy.

Rõ ràng, trong một thế giới mà chủ nghĩa duy vật đang trỗi dậy và tâm trí thực dụng đang được coi trọng trong cuộc sống hàng ngày, Phật giáo thực sự cần một thế hệ những người truyền bá pháp có thể đáp ứng hai yêu cầu vừa phù hợp với sự thật và khả năng phù hợp để Phật giáo có thể linh hoạt và thích nghi với một xã hội luôn luôn thay đổi. Ngoài ra, cần nhấn mạnh rằng vô thường luôn là luật cho tất cả mọi thứ trong vũ trụ; do đó, sự thịnh vượng hoặc suy đồi của các tổ chức Phật giáo là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, sự khôn ngoan của sự giải thoát đó là con đường trung gian mà Đức Phật đã đạt được và tuyên bố hơn 2.600 năm trước sẽ tồn tại mãi mãi, bởi vì *“Lôi âm thanh sẽ tồn tại, và những gì tối quan trọng vẫn sẽ còn đó.”* (Yo Sàro So Thassati).